

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:01/2018/HSST

Ngày 12-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồng Ân

Bà Nguyễn Kim Huệ

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2017/TLST-HS, ngày 23 tháng 11 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Dương Văn M, sinh năm: 1997 tại huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T1 (đã chết) và bà Huỳnh Thị T2; bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: bị cáo có 03 tiền sự: Ngày 23 tháng 6 năm 2017 bị Công an huyện P, tỉnh Cà Mau ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Cất giữ tài sản của người khác mà biết rõ tài sản đó do vi phạm pháp luật mà có*” với số tiền là 3.500.000 đồng (chưa nộp phạt), ngày 04 tháng 8 năm 2017 bị Công an thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” với số tiền là 750.000 đồng (chưa nộp phạt), Ngày 28 tháng 8 năm 2017 bị Công an thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” với số tiền là 1.500.000 đồng (chưa nộp phạt); bị cáo tại ngoại; (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Ông Lê Văn M1, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm Y, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Ngô Anh T, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm Z, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2. Ông Trịnh Phú Q, sinh năm 1968 (vắng mặt).

3. Bà Trần Thị Ngọc V, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 24 tháng 10 năm 2017, Dương Văn M trên đường đi bắt ba khía về nhà, khi đến đoạn lộ bê tông trước nhà bà Lê thuộc khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau, M nhìn thấy có hai khung cửa nhôm (là tài sản của anh Ngô Anh T). Quan sát thấy xung quanh không có người nên M nảy sinh ý định lấy trộm hai khung cửa đem bán phế liệu lấy tiền tiêu xài cá nhân. Sau khi trộm được hai khung cửa, M dùng tay, chân bẻ đập làm gãy và biến dạng hai khung cửa thành nhiều đoạn ngắn rồi đem bỏ vào 01 cái bao để ở trước nhà của mình. Đến khoảng 09 giờ ngày 24 tháng 10 năm 2017, thấy ông Trịnh Phú Q là người đẩy xe mua phế liệu, M kêu bán cho ông Q 02 khung cửa nhôm đã trộm được với số tiền là 67.000 đồng. Sau khi mua 02 khung cửa nhôm của M, ông Q bán lại cho bà Trần Thị Ngọc V (chủ cơ sở thu mua phế liệu tại khóm X, thị trấn C) với giá 76.500 đồng. Khi mua ông Q, bà V không biết tài sản này do trộm cắp mà có. Quá trình làm việc M đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG ngày 02 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận: Tổng trị giá còn lại của hai khung cửa chất liệu bằng nhôm là 67.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 37/KSĐT-KT, ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đã truy tố bị cáo Dương Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo Dương Văn M từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không

giam giữ; về trách nhiệm dân sự bị cáo đã bồi thường, về vật chứng vụ án đã xử lý xong nên đề nghị không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại đơn bãi nại ngày 14 tháng 11 năm 2017 người bị hại Lê Văn M1 không yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Dương Văn M

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Tân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định bị cáo đã có hành vi lén lút lấy trộm hai khung cửa nhôm của ông Lê Văn M1 gởi ở nhà bà Lê, tại bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG ngày 02 tháng 11 năm 2017 xác định tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 02 khung cửa nhôm được xác định giá trị là 67.000 đồng. Do vào ngày 28 tháng 8 năm 2017, Dương Văn M bị Công an thị trấn, huyện P, tỉnh Cà Mau ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” với số tiền là 1.500.000 đồng (chưa nộp phạt). Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm ...*”. Bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó Cáo trạng số 37/KSĐT-KT, ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đã truy tố bị cáo Dương Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện Phú Tân đề nghị như nêu trên là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần có một mức án nghiêm khắc để bị cáo có đủ điều kiện lao động, học tập trở thành người có ích, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Xét về nhân thân của bị cáo cho thấy, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, người bị hại bãi nại cho bị cáo. Các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999. Khi phạm tội, bị cáo hạn chế nhận thức pháp luật, bị cáo không biết chữ. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Xét thấy, không cần áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng bảo đảm được tính răn đe và phòng ngừa tội phạm. Đồng thời, cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tự cải tạo, sửa chữa trở thành người công dân có ích cho xã hội. Do bị cáo lao động thu nhập không ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6] Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Tân thu giữ: 02 khung cửa nhôm do bà V đã giao nộp lại. Hiện số tài sản này đã trả lại cho bị hại, do 02 khung cửa đi bị hư hỏng hoàn toàn, anh M1 yêu cầu Dương Văn M bồi thường số tiền là 1.000.000 đồng, M đã bồi thường xong nên anh M1 không có yêu cầu và làm đơn bãi nại cho M. Đối với số tiền 76.500 đồng thì bà Trần Thị Ngọc V không có yêu cầu bồi thường. Ông Trịnh Phú Q đã nhận lại được số tiền 67.000 đồng do M nộp khắc phục. Do đó về trách nhiệm dân sự, vật chứng vụ án đã xử lý xong trong quá trình điều tra, truy tố, người tham gia tố tụng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[7] Về án phí: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp 200.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 138 các điểm b, g, h, p khoản 1 khoản 2 Điều 46; Điều 31 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tuyên bố bị cáo Dương Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Dương Văn M 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính kể từ ngày Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Đôi Vàm,

huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao Dương Văn M cho Ủy ban nhân dân thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

2. Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Dương Văn M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Công an huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Bị cáo (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều